TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **ỈNH N** ---------- Số: 17/2018/ QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *G, ngày 08 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 15/2018/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 2 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T,** sinh năm 1985.
Trú tại: Xóm 2, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh N.

và Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1984.
Trú tại: Thôn P, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T,** sinh năm 1985.
Trú tại: Xóm 2, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh N.

và Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1984.
Trú tại: Thôn P, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1: Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn T đều xác nhận anh chị không có con chung.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn T đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Toà án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại chị Bùi Thị T 150.000 đồng theo biên lai số AA/2013/0001002 ngày 05/02/2018 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã G;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hà Thiện Thành